**PHỤ LỤC I**

**MẪU PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN VỀ GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN VỀ GIÁ**

Địa điểm khảo sát: Thị trấn(xã).............Quận(huyện)........Thành phố(tỉnh)......

Tên cơ sở khảo sát..............................................................................................

Địa chỉ cơ sở khảo sát:.......................................................................................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dịch vụ** | **Đặc điểm/thông tin về dịch vụ** | **Đơn vị tính giá** | **Giá khảo sát** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

*Ngày tháng năm*

NGƯỜI KHẢO SÁT

(Ký ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC II**

**PHƯƠNG ÁN GIÁ - TỔNG HỢP CÁC CẤU PHẦN CHI PHÍ, NHÓM CHI PHÍ HÌNH THÀNH GIÁ CỦA MỘT DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **NỘI DUNG** | **Đơn vị tính** | **Định mức** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền** | **Diễn giải** |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=2x3 | 5 |
| **I** | **Chi phí nhân công** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiền lương, tiền công, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định của bộ phận trực tiếp và gián tiếp |  |  |  |  |  |
| 2 | Phụ cấp Phẫu thuật, thủ thuật |  |  |  |  |  |
| 3 | Các khoản phụ cấp theo lương để chi trả thù lao cho các chuyên gia, thầy thuốc giỏi làm việc tại đơn vị; chi phí đặc thù |  |  |  |  |  |
| **II** | **Chí phí trực tiếp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi phí thuốc, hóa chất, máu, chế phẩm máu và chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí về nhiên liệu, năng lượng sử dụng gồm điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, kiểm soát nhiễm khuẩn |  |  |  |  |  |
| 3 | Các khoản chi phí trực tiếp khác |  |  |  |  |  |
| **III** | **Chi phí quản lý** |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Chi phí khấu hao** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thiết bị trực tiếp |  |  |  |  |  |
| 2 | Khấu hao các thiết bị phụ trợ |  |  |  |  |  |
| 3 | Khấu hao cơ sở hạ tầng |  |  |  |  |  |
| **V** | **Chi phí tích lũy hoặc lợi nhuận/ Nghĩa vụ tài chính (nếu có)** |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng chi phí (I+II+…+V)** |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** Phụ lục này áp dụng trong trường hợp sử dụng phương pháp chi phí để xây dựng Phương án giá. Đơn vị xây dựng Phương án giá điều chỉnh nội dung cấu phần chi phí, nhóm chi phí hình thành giá phù hợp với số liệu tổng hợp để thuyết minh chi phí của các yếu tố hình thành giá.

**PHỤ LỤC III**

**TÍNH GIÁ THÀNH CỦA DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**THEO YẾU TỐ CHI PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**Giá thành của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được xác định theo công thức sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thành của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh | = | Chi phí nhân công | + | Chi phí trực tiếp | + | Chi phí quản lý | + | Chi phí khấu hao |

**1.** **Tính chi phí nhân công**

***1.1. Chi phí nhân công trực tiếp***

Nhân công trực tiếp là người lao động trực tiếp thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng. Chi phí nhân công trực tiếp được xác định trên cơ sở định mức lao động của từng dịch vụ kỹ thuật (được quy định tại Thông tư số 19/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế (sau đây gọi tắt Thông tư số 19/2022/TT-BYT) và đơn giá tiền lương, tiền công. Các bước ước tính chi phí nhân công trực tiếp cho dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**Bước 1**. Xác định các loại hình người lao động tham gia trực tiếp thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**Bước 2.** Xác định định mức về số lượng người, trình độ chuyên môn và số giờ lao động cần thiết sử dụng trực tiếp để thực hiện từng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Đây chính là định mức lao động cho nhân công trực tiếp được xác định cho từng dịch vụ kỹ thuật.

**Bước 3**. Xác định chi phí đơn vị theo giờ của từng loại hình lao động, phân loại theo trình độ chuyên môn.

**Bước 4.** Tính chi phí nhân công trực tiếp để thực hiện một dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh = ∑i Định mức lao động (số giờ) \* Chi phí đơn vị theo giờ (i là nhóm nhân công theo từng loại hình)

***1.2. Các chi phí nhân công gián tiếp***

Các chi phí nhân công liên quan gián tiếp đến thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được ước tính sử dụng phương pháp phân bổ chi phí. Nhân công gián tiếp là người lao động không trực tiếp thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, thuộc khối các phòng chức năng, các khoa hỗ trợ chung (như khoa Dược, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa Dinh dưỡng…) và nhân công gián tiếp tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng.

Các bước phân bổ chi phí nhân công gián tiếp cho dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**Bước 1.** Xác định chi phí nhân công (bao gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định) của người lao động thuộc khối các phòng chức năng và các Khoa hỗ trợ chung và nhân công gián tiếp tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng.

**Bước 2.** Phân bổ chi phí nhân công được xác định ở bước 1 cho các Khoa thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng.

**Bước 3.** Dựa trên chi phí đã được phân bổ về từng Khoa thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng, phân bổ chi phí cho các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được cung ứng tại từng khoa.

**2. Chi phí trực tiếp**

***2.1 Các chi phí trực tiếp có định mức kinh tế - kỹ thuật***

Các bước xác định chi phí thuốc, hóa chất và thiết bị y tế cho dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**Bước 1**. Xác định danh mục, chủng loại thuốc, hóa chất và thiết bị y tế cần thiết trong thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**Bước 2.** Xác định định mức về số lượng, chủng loại, tỷ lệ hao hụt (nếu có) của thuốc và thiết bị y tế theo hướng dẫn điều trị, hướng dẫn của nhà sản xuất, hoặc các quy định khác có liên quan. Đối với thuốc, thiết bị y tế mà 01 đơn vị số lượng có thể sử dụng cho nhiều hơn 01 lượt dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (ví dụ đầu dò, gel siêu âm, quần, áo, mũ của nhân viên), định mức được tính bằng [01/số lượt kỹ thuật hoặc số người bệnh sử dụng].

**Bước 3**. Xác định chi phí đơn vị (Đơn giá) của thuốc, hóa chất và thiết bị y tế theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này.

**Bước 4.** Xác định chi phí thuốc, hóa chất và thiết bị y tế để thực hiện một dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh = Định mức kinh tế - kỹ thuật thuốc/thiết bị y tế \* Chi phí đơn vị \* Tỷ lệ hao hụt (nếu có).

***2.2. Các chi phí trực tiếp không có định mức kinh tế - kỹ thuật***

Các chi phí trực tiếp không áp dụng được định mức kinh tế - kỹ thuật được ước tính sử dụng cách phân bổ chi phí. Các chi phí này được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 119 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trừ chi phí thuốc, thiết bị y tế đã có định mức kinh tế - kỹ thuật). Các bước phân bổ chi phí trực tiếp không có định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**Bước 1.** Xác định tổng chi của khoản chi cần phân bổ trong toàn bộ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Ước tính phần chi phí của khoản chi này cho khối lâm sàng, cận lâm sàng (chi phí C1).

**Bước 2**. Phân bổ tổng chi phí C1 cho từng khoa lâm sàng, cận lâm sàng theo tiêu chí phân bổ phù hợp (Xem phụ lục tại mục 5).

**Bước 3.** Dựa trên chi phí đã được phân bổ về từng khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng, phân bổ chi phí cho các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được cung ứng trong từng khoa, phòng.

**3. Chi phí quản lý**

Các chi phí quản lý được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 119 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Chi phí quản lý bao gồm chi phí phát sinh tại các bộ phận quản lý điều hành cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các chi phí gián tiếp thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Các bước phân bổ chi phí quản lý cho từng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**Bước 1.** Xác định các nội dung chi thuộc phạm vi chi phí quản lý để tính tổng chi phí trong toàn bộ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (chi phí C0).

**Bước 2**. Xác định tổng chi quản lý (chi phí C2) bằng cách trừ đi phần chi phí trực tiếp (chi phí C1) tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng:

C2=C0 - ∑C1

**Bước 3.** Phân bổ tổng chi phí quản lý cho từng khoa lâm sàng, cận lâm sàng theo tiêu chí phân bổ phù hợp.

**Bước 4.** Dựa trên chi phí đã được phân bổ về từng khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng, phân bổ chi phí cho các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được cung ứng trong từng khoa, phòng.

**4. Chi phí khấu hao**

***4.1. Các chi phí khấu hao trực tiếp***

Các bước ước tính chi phí khấu hao của thiết bị y tế dựa trên định mức kinh tế - kỹ thuật như sau:

**Bước 1**. Xác định địa điểm thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (ví dụ phòng mổ, phòng tiểu phẫu, phòng xét nghiệm).

**Bước 2.** Thống kê thiết bị y tế sử dụng để hoàn thành một dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm thiết bị sử dụng trực tiếp trong kỹ thuật và thiết bị dùng chung của phòng thực hiện kỹ thuật (như điều hòa, đèn mổ…).

**Bước 3.** Xác định định mức thiết bị y tế bằng cách xác định thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại thiết bị y tế để thực hiện 01 hoặc nhiều lượt, loại dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong cùng một thời điểm.

**Bước 4.** Xác định chi phí khấu hao theo giờ.

**Bước 5.** Ước tính chi phí khấu hao thiết bị y tế trong thực hiện 1 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh = Định mức khấu hao thiết bị y tế \* Chi phí khấu hao theo giờ.

***4.2. Các chi phí khấu hao gián tiếp***

Các chi phí khấu hao gián tiếp bao gồm: (i) khấu hao thiết bị y tế gián tiếp của khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng; (ii) khấu hao thiết bị y tế của khoa, phòng thuộc khối hành chính; và (iii) khấu hao cơ sở hạ tầng.

Đối với nhóm (i), ước tính tổng chi phí khấu hao thiết bị y tế gián tiếp trong từng khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng.

Đối với nhóm (ii) và (iii), cần phân bổ chi phí về các khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng như sau:

**Bước 1.** Xác định tổng chi phí khấu hao nhóm (ii) và nhóm (iii) trong toàn bộ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**Bước 2**. Phân bổ tổng chi phí từ bệnh viện về từng khoa, phòng thuộc khối lâm sàng, cận lâm sàng, hành chính.

**Bước 3.** Phân bổ chi phí từ các khoa, phòng thuộc khối hành chính sang các khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng.

**Bước 4.** Dựa trên tổng chi phí nhóm (i), (ii), (iii) đã được phân bổ về từng khoa, phòng thuộc khối lâm sàng và cận lâm sàng, phân bổ chi phí cho các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được cung ứng trong từng khoa, phòng.

**5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham khảo các tiêu chí phân bổ chi phí theo bảng sau:**

| **STT** | **Nhóm chi phí** | **Tiêu chí phân bổ chi phí về các khoa/ phòng** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Điện | Phân bổ chi phí cho hai khu vực: khối lâm sàng, cận lâm sàng và khối hành chính. Có 2 phương án:  (1) Xác định lượng tiêu thụ điện ở các khoa lâm sàng, cận lâm sàng theo thực tế sử dụng các thiết bị điện tại đây (Tiêu thu điện của mỗi thiết bị = công suất \* thời gian sử dụng). Từ đó, xác định được lượng điện tiêu thụ tại các đơn vị thuộc khối hành chính và khu vực dùng chung của bệnh viện chính là phần tính chi phí hành chính về điện.  (2) Xác định tỷ lệ tương đối chi phí tiền điện theo 2 khu vực dưa trên số liệu khảo sát tại một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xác định được số liệu tiêu thụ điện tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng  Ví dụ tại Bệnh viện A, tỷ lệ tiền điện sử dụng tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng là 52,2%.  Phân bổ chi phí điện khối hành chính và dùng chung về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng theo diện tích.  Phân bổ chi phí tiền điện của khối lâm sàng, cận lâm sàng: về từng dịch vụ theo thời gian sử dụng thiết bị tại các khoa chuyên môn. |
| 2 | Nước | Phân bổ tổng chi tiền nước về các khoa phòng theo số lượng cán bộ nhân viên và số lượng bệnh nhân.  Tại từng khoa chuyên môn, phân bổ tiền nước cho từng dịch vụ kỹ thuật theo số lượng thực hiện. |
| 3 | Nhiên liệu | Số lượt bệnh nhân và số lượt sử dụng dịch vụ. |
| 4 | Cước dịch vụ viễn thông, bưu chính | Số lượt bệnh nhân và số lượt sử dụng dịch vụ. |
| 5 | Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý | Số lượt bệnh nhân và số lượt sử dụng dịch vụ. |
| 6 | Bảo đảm an ninh, an toàn người bệnh | Số lượng cán bộ y tế và số lượt bệnh nhân. |
| 7 | Kiểm soát nhiễm khuẩn, vệ sinh, môi trường | - Phân bổ chi phí kiểm soát nhiễm khuẩn theo số lượng bệnh nhân nội trú, ngoại trú.  - Phân bổ chi phí vệ sinh môi trường theo diện tích của từng khoa, phòng. |
| 8 | Xử lý chất thải sinh hoạt | Số lượng cán bộ y tế, số lượt bệnh nhân. |
| 9 | Xử lý chất thải y tế | Số lượt bệnh nhân. |
| 10 | Các chi phí thuê, mua ngoài khác | Phân bổ theo doanh thu. |
| 11 | Chi phí duy tu, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn tài sản | Theo tổng giá trị thiết bị, tài sản. |
| 12 | Mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, phương tiện, văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận quản lý, gián tiếp và hoạt động chung của đơn vị | Số lượng cán bộ y tế. |
| 13 | Chi thuê phiên dịch, biên dịch | Phân bổ theo doanh thu. |
| 14 | Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn | Số lượng bệnh nhân. |
| 15 | Chi phí đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV, tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động | Số lượng cán bộ y tế. |
| 16 | Chi phí cho công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu theo quy định | Số lượng cán bộ y tế. |
| 17 | Các khoản phí, lệ phí; thuế sử dụng đất/chi phí thuê đất dùng cho hoạt động kinh doanh, phí kiểm toán, dịch vụ (nếu có) | Phân bổ theo doanh thu. |
| 18 | Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm tài sản | - Bảo hiểm trách nhiệm: theo số lượng cán bộ y tế. - Bảo hiểm cháy nổ: phân bổ theo giá trị thiết bị, tài sản. |
| 19 | Chi phí phòng cháy, chữa cháy | Diện tích (m2) |
| 20 | Chi phí quản lý chất lượng | Phân bổ theo doanh thu. |
| 21 | Chi phí liên quan đến bảo quản, hao hụt, hủy thuốc, vật tư | Số lượt bệnh nhân. |
| 22 | Chi phí về thanh lý, xử lý tài sản theo quy định | Phân bổ theo doanh thu. |
| 23 | Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học | Số lượng cán bộ y tế. |
| 24 | Nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn | Số lượng cán bộ y tế. |
| 25 | Lãi tiền vay (nếu có) | Phân bổ theo doanh thu. |
| **Một số chi phí quản lý khác:** | | |
| 26 | Giặt là | Số cân giặt là (kg) |
| 27 | Diệt mối, chuột, côn trùng | Diện tích (m2) |

**PHỤ LỤC IV**

**TÍNH GIÁ THÀNH CỦA DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỔ CHI PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**1. Giá thành toàn bộ của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được xác định theo công thức sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thành toàn bộ của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh | = | Chi phí nhân công (CP1) | + | Chi phí trực tiếp (CP2) | + | Chi phí quản lý (CP3) | + | Chi phí khấu hao (CP4) |

Trong đó, mỗi chi phí được chia thành các nhóm chi phí dưới đây.

| **Số TT** | **Chi phí** | **Cách xác định** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chi phí trực tiếp** |  |
| 1 | Thuốc, hóa chất, vật tư để thực hiện dịch vụ | Chi phí thuốc, vật tư, hóa chất và khác (thuộc nhóm này) tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này |
|  | Nhóm thuốc |  |
|  | Nhóm hóa chất, nguyên liệu, vật liệu |  |
|  | Nhóm thiết bị y tế thay thế |  |
|  | Khác |  |
| 2 | Điện, nước và chi phí hậu cần khác | Chi phí điện, nước và chi phí hậu cần khác (thuộc nhóm này) tại bước 3 được phân bổ ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
|  | Tiêu hao điện |  |
|  | Tiêu hao nước |  |
|  | Xử lý chất thải |  |
|  | Giặt là, hấp, sấy, khử khuẩn, Chống nhiễm khuẩn (VSMT) |  |
| 3 | Duy tu bảo dưỡng thiết bị y tế trực tiếp | Chi phí duy tu bảo dưỡng thiết bị y tế tại bước 3 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| **II** | **Nhân công** |  |
| 1 | Trực tiếp | Chi phí nhân công tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này. |
| 2 | Gián tiếp (chuẩn bị dụng cụ, nhân viên y công, hành chính khu PT…) | Chi phí nhân công tại bước 3 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| 3 | Bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật | Chi phí nhân công tại bước 2 khoản 2 Phụ lục này. |
| 4 | Nhân lực quản lý (dược, vật tư, kiểm soát nhiễm khuẩn, kế hoạch, tài chính kế toán….) | Chi phí nhân công tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này |
| **III** | **Quản lý** | Các chi phí vật tư, hóa chất tiêu hao chung tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này |
| 1 | Vật tư, hóa chất tiêu hao chung | Như trên |
| 2 | Điện, nước, vệ sinh môi trường chung | Như trên |
| 3 | Duy tu các thiết bị phụ trợ | Như trên |
| 4 | Quản lý khác | Như trên |
| **IV** | **Khấu hao** |  |
| 1 | Thiết bị trực tiếp (cần kê chi tiết các loại thiết bị và giá trị của các trang thiết bị sử dụng) | Chi phí khấu hao tại bước 2, 3 khoản 2 Phụ lục này. |
| 2 | Khấu hao các thiết bị phụ trợ | Các chi phí khấu hao thiết bị phụ trợ tại bước 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
| 3 | Khấu hao cơ sở hạ tầng | Các chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng tại bước 2, 3, 4, 5 được phân bổ tiếp ở bước 6 khoản 2 Phụ lục này. |
|  |  |  |
|  | Tổng chi phí (I+II+…+IV) |  |

**2. Các yếu tố chi phí, nhóm yếu tố chi phí được tính toán và phân bổ theo 6 bước:**

Bước 1: Xác định tổng chi phí của yếu tố, nhóm yếu tố chi phí cần tính toán của toàn bộ cơ sở (gọi chung là Tổng yếu tố chi phí (TCP)).

Bước 2: Tính chi phí trực tiếp thực hiện dịch vụ (CPttdv) và chi phí trực tiếp chênh lệch (CPttcl).

- Toàn bộ hoặc một phần chi phí được xác định tại bước 1 khoản này được tính toán cho tất cả các dịch vụ của tất cả các khoa, phòng dựa trên mức chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật (nếu có).

- CPttdv được xác định theo mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức chi phí đó, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, phù hợp với hoạt động hiện tại của đơn vị, đạt chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và tiết kiệm. Trong trường hợp không thể tính được mức chi phí của đơn vị, thì sử dụng phương pháp so sánh với các đơn vị khác trên cùng địa bàn để xác định mức chi phí.

- CPttcl là khoản chênh lệch (nếu có) giữa chi phí của dịch vụ đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định trừ (-) CPttdv được tính ở trên.

Bước 3: Tính chi phí trực tiếp sử dụng chung của các khoa, phòng (CPsdkp).

CPsdkp là toàn bộ chi phí sử dụng chung khi thực hiện các dịch vụ của khoa, phòng đó không bao gồm phần chi phí trực tiếp (CPttdv) của dịch vụ đã được tính tại bước 2 khoản này (chi phí dùng chung cho khoa, phòng gồm: chi phí thuốc, hóa chất, vật tư, văn phòng phẩm, chi phí khấu hao (tài sản cố định, thiết bị y tế) đang sử dụng, chi phí nhân lực hoặc chi phí khác dùng chung cho khoa, phòng) không bao gồm chi phí sử dụng trực tiếp cho người bệnh.

- CPsdkp bằng (=) tổng chi phí trực tiếp đã nhận về khoa, phòng trừ (-) tổng cộng chi phí trực tiếp (CPttdv) quy định tại bước 2 khoản này (nếu có).

- Các khoa, phòng không trực tiếp thực hiện dịch vụ thì CPsdkp được phân bổ theo quy định tại bước 5.

Bước 4: Phân bổ chi phí sử dụng cho các hoạt động chung toàn đơn vị (CPdc) cho tất cả các khoa, phòng.

CPdc = TCP xác định tại bước 1 khoản này trừ (-) CPttdv của toàn bộ các dịch vụ của đơn vị tại bước 2 khoản này và trừ (-) CPsdkp của toàn bộ các khoa, phòng của đơn vị tại bước 3 khoản này.

- CPdc phân bổ lại cho toàn bộ các khoa, phòng của đơn vị theo những tiêu chí được xác định tại Phụ lục này và tỷ lệ giữa các tiêu chí cho phù hợp với tính chất, đặc tính kỹ thuật, quản lý.

Bước 5. Phân bổ lại toàn bộ chi phí của các khoa, phòng không cung cấp dịch vụ cho các khoa, phòng trực tiếp cung cấp dịch vụ (CPpbl).

Toàn bộ CPsdkp tại bước 3 khoản này cộng (+) CPdc tại bước 4 khoản này của toàn bộ các khoa, phòng không trực tiếp cung cấp dịch vụ cho người bệnh sẽ được phân bổ lại cho các khoa, phòng trực tiếp cung cấp dịch vụ cho người bệnh theo các tiêu chí cụ thể được xác định tại Phụ lục này và tỷ lệ giữa các tiêu chí phù hợp với tính chất, chức năng quản lý, chức năng hỗ trợ của các nhóm khoa, phòng không trực tiếp cung cấp dịch vụ.

Bước 6. Phân bổ lại toàn bộ chi phí đã tính toán và phân bổ của khoa, phòng trực tiếp thực hiện dịch vụ cho từng dịch vụ của khoa, phòng đó (CPtkp).

- CPtkp bằng (=) CPsdkp được tính tại bước 3 khoản này, CPdc được tính tại bước 4 khoản này và CPpbl được tính tại bước 5 khoản này của khoa, phòng thực hiện dịch vụ được phân bổ lại theo từng dịch vụ của khoa phòng đó theo tiêu chí tổng số thời gian nhân công hoặc tổng số thời gian sử dụng máy hoặc kết hợp cả hai tiêu chí tùy theo đặc điểm, tính chất của chi phí cần phân bổ.

- Cách xác định các tiêu chí phân bổ như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số thời gian nhân công | = | Số lượng cán bộ thực hiện dịch vụ | x | Số thời gian nhân công của dịch vụ | x | Số lượng dịch vụ |

Chú ý: Thời gian thực hiện nhân công có thể được phân ra theo thời gian và số người cần thiết theo định mức kinh tế kỹ thuật hoặc mức hao phí của những người trực tiếp thực hiện dịch vụ và những người tham gia gián tiếp phục vụ hoặc tổng hợp chung.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số thời gian máy | = | Số lượng máy theo định mức sử dụng | x | Số thời gian sử dụng máy của dịch vụ | x | Số lượng dịch vụ |

**3. Giá thành toàn bộ của 1 dịch vụ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá thành toàn bộ của một dịch vụ (GTB) | = | CPttdv của dịch vụ | + | CPttcl của dịch vụ | + | CPtkp từ khoa phòng |

Trong đó

- CPttdv của dịch vụ là các chi phí trực tiếp của toàn bộ các yếu tố chi phí được đưa vào tính toán tại bước 2 khoản 2.

- CPttcl là các chi phí trực tiếp chênh lệch (nếu có) của toàn bộ các yếu tố chi phí được đưa vào tính toán tại bước 2 khoản 2.

- CPtkp từ khoa, phòng là các chi phí được phân bổ từ khoa, phòng thực hiện dịch vụ tại bước 6 khoản 2 của toàn bộ các chi phí được đưa vào tính toán và phân bổ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **4. Các yếu tố chi phí và các tiêu chí phân bổ** | | | |
| **Số TT** | **Tên nhóm chi phí** | **Các yếu tố chi phí** | **Các tiêu chí phân bổ** |
| 1 | Tiền lương và phụ cấp | Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp | Số lượng cán bộ y tế. |
| 2 | Thu nhập khác | Các thu nhập khác theo quy định của người lao động | Số lượng cán bộ y tế. |
| 3 | Thuê nhân lực | Thuê nhân lực, chuyên gia; Thuê khoán chuyên môn; Phiên dịch, biên dịch. | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 4 | Bảo vệ nghề nghiệp | Đảm bảo vệ sinh an toàn lao động; Bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV, tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động; Chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh. | Số lượng cán bộ. |
| **Số TT** | **Tên nhóm chi phí** | **Các yếu tố chi phí** | **Các tiêu chí phân bổ** |
| 5 | Vật tư, trang bị phục vụ hoạt động quản lý cho người lao động | Văn phòng phẩm; Vật tư (không dùng trong y tế); Phương tiện; Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động; Mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn; Nhiên liệu, năng lượng; Xăng xe | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 6 | Đào tạo, nghiên cứu khoa học | Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học; nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn; Hội nghị, hội thảo; Công tác phí. | Số lượng cán bộ y tế. |
| 7 | Thuốc, hóa chất, vật tư | Chi phí thuốc, hóa chất, máu, chế phẩm máu; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ; Chi phí vật tư y tế. | Số tiền thuốc, hóa chất, vật tư trực tiếp. |
| 8 | Điện, Nước | Điện, nước | Số lượng cán bộ y tế; Số thời gian dịch vụ (x) Số dịch vụ (x) Định mức. |
| 9 | Nước | Nước | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 10 | Môi trường | Xử lý chất thải; Vệ sinh môi trường; Kiểm soát nhiễm khuẩn; Quản lý chất lượng; Bảo vệ môi trường; Bảo đảm an ninh, an toàn người bệnh; Phòng cháy, chữa cháy… | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 11 | Bảo dưỡng, sửa chữa, mua thay thế công cụ, thiết bị | Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị; Mua thay thế công cụ, dụng cụ, thiết bị; Bảo hiểm tài sản; | Giá trị thiết bị; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 12 | Công nghệ thông tin | Ứng dụng công nghệ thông tin; Dịch vụ viễn thông, bưu chính. | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 13 | Khấu hao thiết bị | Khấu hao thiết bị y tế; thiết bị khác. | Giá trị thiết bị; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 14 | Khấu hao hạ tầng cơ sở vật chất | Khấu hao cơ sở hạ tầng | Diện tích sử dụng trực tiếp của khoa phòng; Số cán bộ. |
| 15 | Truyền thông, khen thưởng | Truyền thông, khen thưởng; Quảng bá hình ảnh; Giá trị thương hiệu. | Tổng số tiền được phân bổ của từng khoa, phòng. |
| 16 | Chi phí hư hao | Chi phí hao hụt, bảo quản, hủy thuốc, vật tư, hóa chất, thiết bị; Chi phí về thanh lý, xử lý tài sản. | Tổng số tiền thuốc, vật tư của khoa phòng đã nhận; Giá trị thiết bị… |
| **Số TT** | **Tên nhóm chi phí** | **Các yếu tố chi phí** | **Các tiêu chí phân bổ** |
| 17 | Các khoản chi khác | Các khoản chi phí khác | Số cán bộ; Số khám; Số ngày giường; Số dịchvụ. |
| 18 | Nhóm khoa phòng quản lý chung | Phòng lãnh đạo bệnh viện, phòng tổ chức cán bộ,... | Số lượng cán bộ. |
| 19 | Nhóm khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ y tế | Phòng điều dưỡng, phòng kế hoạch tổng hợp, công nghệ thông tin, phòng chống nhiễm khuẩn, phòng dinh dưỡng, phòng chỉ đạo tuyến, công tác xã hội … | Số lượng cán bộ y tế; Số lượt khám bệnh; Số ngày giường; Số lượng dịch vụ. |
| 20 | Nhóm khoa phòng về Tài chính, kế toán | Phòng tài chính kế toán, phòng giá, bộ phận đấu thầu … | Số cán bộ; Doanh thu của các bộ phận. |
| 21 | Nhóm khoa phòng về thiết bị | Phòng quản lý thiết bị y tế, phòng quản lý tài sản … | Giá trị thiết bị. |
| 22 | Nhóm khoa phòng về dược, vật tư y tế, hóa chất | Khoa dược, phòng vật tư, phòng hóa chất … | Tiền dược, tiền hóa chất, tiền vật tư. |

- Các yếu tố chi phí có thể được gộp lại thành nhóm và phân bổ chung hoặc có thể theo từng yếu tố chi phí của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Các tiêu chí phân bổ có thể sử dụng độc lập, có thể kết hợp với nhau khi phân bổ các yếu tố chi phí.

**PHỤ LỤC V**

**TỔNG HỢP CÁC DỊCH VỤ ĐỀ XUẤT BAN HÀNH GIÁ CỤ THỂ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (\*)** | **Đề xuất mức giá (\*)** | **Tổng giá thành (I+II+III+IV)** |  |  |  | | **Trong đó** | | | | **V.Tích lũy hoặc lợi nhuận/Nghĩa vụ tài chính (nếu có)** |  |
| **I. Nhân công** | | **II. Chi phí trực tiếp** | | | | **III. Quản lý** | **IV. Khấu hao thiết bị y tế, tài sản cố định** |  |
| **Lương** | **Phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật** | **Thuốc, hóa chất, máu, chế phẩm máu và chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp** | **Nhiên liệu, năng lượng sử dụng** | | **Các khoản chi phí trực tiếp khác** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Các cột đánh dấu (\*) là thông tin bắt buộc.